

UNIT 6:

OUR TET HOLIDAY

COMMUNICATION (continue)

- Mochi rice cakes	(n) : bánh gạo Mochi
- throw	(v) : ném, vứt, tung, quăng
- ring	(v) : rung, reo
- midnight	(n) : nửa đêm
- believe	(v) : tin tưởng
- past year	(n) : năm cũ
- leave-left – left	(v) : rời đi, bỏ đi
- grape	(n) : quả nho
- coin	(n) : đồng tiền (bằng kim loại)
- bad luck	(n) : điều xui xẻo
- good luck	(n) : điều may mắn
- first-footer	(n) : người xông nhà